

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày 08- 9 -2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khuyên;

2. Ông Đàm Văn Nhạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện N tham gia phiên tòa: Bà Triệu Kim Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1955;

Địa chỉ: tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: tổ nhân dân P1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Vũ Xuân N1, sinh năm 1954; Trú tại: tổ nhân dân P, thị trấn Y , huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt)

+ Ông Chu Đức S1;(vắng mặt)

+ Anh Chu Đức T; sinh năm 1993; Đều trú tại: tổ nhân dân P1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn(vắng mặt)

+ Bà La Thị N2, trú tại tổ nhân dân B, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (

vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày: Ngày 20/4/2019 bà S có cho bà Nguyễn Thị H trú tại P1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vay với số tiền là 20.000.000,đ với thời hạn vay là từ ngày 20 tháng 4 năm 2019 đến ngày 30 tháng 5 năm 2019 (âm lịch) giữa hai bên có viết giấy vay tiền và có chữ ký của cả hai bên . Quá thời hạn cho vay bà S đã nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà H không thực hiện. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc cho bà S với số tiền là 20.000.000,đ (hai mươi triệu đồng).

- Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà H vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Tại bản tự khai không ghi ngày tháng chỉ ghi năm 2021 và biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 7 năm 2021 bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H có vay của bà S số tiền là 20.000.000,đ vào năm 2017 và thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 8.000,đ/1triệu/ngày, cứ 10 ngày bà H trả lãi cho bà S là 1.600.000,đ. Bà H không nhất trí trả số tiền đã vay là 20.000.000,đ cho bà S vì bà H đã trả đủ cả gốc và lãi cho bà S tuy nhiên vì do chỗ quen biết nên không làm giấy tờ gì. Bà H trả 1 lần 20.000.000,đ tiền nợ gốc cho bà S tại nhà bà S khi đó không có ai chứng kiến chỉ có bà với bà S. Còn các lần trả tiền lãi, có lần bà S sang nhà bà H thu lãi có con là Chu Đức T và chồng là Chu Đức S1 chứng kiến, có lần bà S thu lãi tại chợ thì có chị La Thị N2 trú tại tổ nhân dân bản B, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn chứng kiến. Bà H xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền là do bà H ký.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt: Bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà H và nêu ý kiến không đồng ý đối với yêu cầu đòi tiền nợ của bà S vì bà H đã trả đủ cho bà S số tiền đã vay.

- Những người làm chứng:

+ Tại bản tự khai ngày 28/7/2021 ông Vũ Xuân N1 chồng của bà S trình bày: Việc bà S có cho bà Nguyễn Thị H vay vào thời điểm nào thì không biết, đến khi Công an tỉnh triệu tập bà H đến làm việc thì mới biết bà H có vay của bà S, ông N1 thấy bà H sang nhà nhưng không biết làm gì và không được nhận một khoản tiền nào từ bà H. Việc vay nợ giữa bà S với bà H ông N1 không liên quan.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2021 anh Chu Đức T là con của bà Nguyễn Thị H trình bày lúc đầu không biết mẹ (Nguyễn Thị H) vay tiền của bà S. Sau đó Thành thấy mỗi tháng bà S đến nhà một lần hỏi thì mẹ nói là có nợ bà S 20.000.000,đ . Tính đến thời điểm năm 2019 thì cả gốc và lãi là 50.000.000,đ sau đó T đã đứng ra trả cho bà S chia làm ba lần đủ số tiền 50.000.000,đ và đã xé giấy vay tiền 50.000.000,đ. Anh T không biết là còn giấy vay tiền 20.000.000,đ nếu biết là còn anh T đã không đứng ra trả số tiền 50.000.000,đ

thay cho mẹ. Anh T khẳng định chỉ thấy mỗi tháng bà Ssang nhà một lần cụ thể thì không nhớ ngày tháng và thấy mẹ đưa tiền mặt cho bà S mỗi lần từ 2.000.000,đ đến 3.000.000,đ tuy nhiên không thấy làm giấy tờ gì, do đi làm ăn xa nhà nên anh T không biết mẹ anh vay bà S tiền để sử dụng vào mục đích gì và anh không liên quan nên đề nghị Tòa án không đưa anh T vào tham gia tố tụng.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2021: Ông Chu Văn S1 là chồng của bà Nguyễn Thị H trình bày: Trong năm 2019 thấy bà S thì thoáng đến nhà (không nhớ ngày tháng cụ thể) thấy cả hai ngồi nói chuyện và thấy vợ đưa tiền mặt cho bà S mỗi lần từ 2.000.000,đ đến 3.000.000,đ tuy nhiên không biết đó là tiền gì và không thấy làm giấy tờ gì. Ông S1 không biết vợ vay bà S tiền để sử dụng vào mục đích gì, thấy vợ và con bảo đã trả hết và ông không liên quan nên đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng.

- Theo bà H khai thì có lần bà S đến chợ thu tiền lãi của bà có chị N2 biết việc này. Ngày 07/9/2021 Tòa án tiến hành làm việc với bà N2, thì được bà N2 cung cấp ý kiến: Khoảng thời gian năm nào thì không nhớ lúc đó bà H bán đậu ở trước quán của bà N2 thì có một đến hai lần có thấy bà Ssang quầy của bà H và có thấy bà H đưa tiền cho bà S tuy nhiên không biết là tiền gì.

- Ý kiến của anh Vũ Văn T1 và anh Vũ Văn T2 là các con của bà Lê Thị S trình bày: Hàng năm có được gửi tiền về cho mẹ, số tiền đã gửi về cho mẹ là của mẹ và mẹ có toàn quyền quyết định hai anh không liên quan.

Tại phiên tòa bà S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà S số tiền bà H đã vay là 20.000.000,đ, không yêu cầu tính lãi suất. Bà S thừa nhận có được sang nhà bà H 04 lần cụ thể ba lần đến lấy số tiền là 50.000.000,đ do bà H vay và con trai bà H là anh Thành đứng ra trả hộ, còn một lần đến nhắc bà H về việc còn số tiền chưa trả là 20.000.000,đ. Bà S không được nhận số tiền nào tại chợ như bà N2 trình bày

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ntham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Việc vắng mặt bị đơn, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định của Pháp luật. Những người làm chứng vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người làm chứng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền 20.000.000,đ cho bà S và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền đã vay là 20.000.000,đ (hai mươi) triệu đồng cho bà S. Hợp đồng được giao kết tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn và bị đơn bà Nguyễn Thị H trú tại tổ nhân dân P1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người làm chứng. Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; sự vắng mặt những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H và những người làm chứng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 20 tháng 4 năm 2019 âm lịch bà Lê Thị S cho bà Nguyễn Thị H trú tại tổ nhân dân P1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vay với số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ 20/4/2019 đến ngày 30/5/2019 âm lịch và hai bên có viết giấy vay tiền bà Nguyễn Thị H ký nhận vào bên được vay. Do đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà H không trả nợ nên bà S khởi kiện buộc bà H trả đủ số tiền gốc đã vay là 20.000.000,đ, không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giấy vay tiền ngày 20/4/2019 âm lịch được bà S và bà H ký kết, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội và bị đơn bà Nguyễn Thị H cũng xác nhận giấy vay tiền là do mình ký nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Sau khi ký giấy vay tiền bà S đã đưa cho bà H vay số tiền 20.000.000,đ. Quá thời hạn trả nợ bà H không trả được nợ cho bà S vì vậy nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả cho bà S số tiền đã vay là 20.000.000,đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị H: Năm 2019 bà H có viết giấy vay nợ của bà Lê Thị S là 20.000.000,đ việc vay tiền của bà S là tự nguyện viết giấy vay và tự ký nhận là người vay tiền. Bà H cho rằng quá trình vay tiền của bà S, bà H đã đã được đã trả đủ số tiền gốc là 20.000.000,đ cho bà S và nhiều lần trả tiền lãi cho bà S tuy nhiên bà H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, những người làm chứng trình bày có thấy bà H đưa tiền cho bà S tuy nhiên không biết đó là tiền gì và bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc đã trả đủ số tiền đã vay. Do vậy không có căn cứ để xem xét.

- Xét ý kiến của bị đơn cho rằng bà S cho vay nặng lãi và năm 2019, 2020 không nhớ chính xác bà H đã có yêu cầu giải quyết về hành vi cho vay nặng lãi của bà S tại cơ quan Công an tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 28/7/2021 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã có công văn số 917/CV-TA về việc yêu cầu Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn cung cấp bản sao toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc cho vay nặng lãi giữa bà Nguyễn Thị H với bà Lê Thị S.

Tại bản kết thúc điều tra ngày 06/11/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn, kết quả xác minh đã kết luận: Quá trình khám xét nơi ở của bà S phát hiện, tạm giữ 02 hai giấy vay tiền, bên được vay là Nguyễn Thị H: Lần 1 số tiền vay 20.000.000,đ từ ngày 20/4/2019 đến ngày 30/5/2019; lần 2 số tiền vay 50.000.000,đ từ ngày 27/4/2019 đến ngày 10/5/2019. Như vậy, Về số tiền đã vay của bà S lần 2 là 50.000.000,đ đã được con là anh Chu Đức T trả hộ, còn số tiền bà H vay của bà Slàn 1 là 20.000.000,đ bà H cho rằng đã trả đủ cả gốc và lãi, nhưng các lần trả không có người chứng kiến và bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc nộp lãi cho bà S nên không đủ căn cứ xác định số tiền bà H đã nộp lãi và đã trả gốc 20.000.000,đ cho bà S.

Tại quyết định số 20/CSĐT ngày 06/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn sau khi kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm thấy: Hành vi của Lê Thị S, sinh năm 1955, trú tại tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn không cấu thành tội phạm tội Chứa mại dâm và tội Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự và quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với tin báo về tội phạm " Môi giới mại dâm", "Chứa mại dâm" và " Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" xảy ra ngày 09/7/2020 tại thị trấn Y, huyện N, Tỉnh Bắc Kạn

Như vậy ý kiến của bà H cho rằng bà S cho vay nặng lãi và đã trả gốc là không có căn cứ chứng minh.

[5] Đánh giá về lời khai của những người làm chứng: Những người làm chứng đều cho rằng có thấy bà H đưa tiền cho bà S tuy nhiên không nhớ ngày tháng cụ thể, không biết là tiền gì và không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, Tòa án thấy: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 20 tháng 4 năm 2019 âm lịch bà Lê Thị S cho bà Nguyễn Thị H trú tại tổ nhân dân P1, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vay với số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ 20/4/2019 đến ngày 30/5/2019 âm lịch và hai bên có viết giấy vay tiền bà Nguyễn Thị H ký nhận vào bên được vay . Quá trình giải quyết vụ án bà H xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền là do bà H ký và cho rằng đã trả đủ cả gốc và lãi, nhưng các lần trả không có người chứng kiến và bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc nộp tiền gốc và lãi cho bà S. Nên bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền gốc đã vay là 20.000.000,đ cho bà Slà có cơ sở và cần được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, Điều 39 các Điều 144, 147, 227, 229, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 465, 466 và 357 Bộ Luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S đối với bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị S số tiền nợ gốc là 20.000.000,đ

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, khoản tiền phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 1.000.000,đ (Một triệu) đồng. Trả lại cho bà Lê Thị S số tiền 500.000,đ (năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 07005 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND Huyện N;
- Chi cục THADS Huyện N;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Luân

